

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Ông Hoàng Sĩ Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/6/2022 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 287/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1988.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 1, thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Thôn Q, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Huy T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm 1, thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan. (Vắng mặt).

3. Người làm chứng: Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1959. Địa chỉ cư trú: Xóm 1, thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 29/11/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Chị H và anh T không liên lạc và đã ly thân lâu ngày. Hiện anh chị không ai quan tâm đến ai, không liên lạc gì. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, chung sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải mâu thuẫn. Chị H đề nghị tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T để chị có thể ổn định được cuộc sống mới.

- Về quan hệ con chung: Chị H và anh T có hai con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/12/2014 và Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 05/10/2017 hiện đang ở cùng với chị H. Khi vợ chồng ly hôn, anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu B, cháu B có nguyện vọng ở với bố và bà nội. Chị H đề nghị tòa án giải quyết cho chị nuôi cháu Bảo N, còn cháu Gia B giao cho anh T nuôi dưỡng, trong thời gian anh T đang không ở Việt Nam thì do mẹ anh T là bà S nuôi dưỡng thay. Chị H và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin ly hôn, đơn xin giải quyết vắng mặt và bản tự khai do anh Nguyễn Huy T gửi về từ Đài Loan đều có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được công nhận là hợp pháp. Nội dung các văn bản anh T gửi về xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị H. Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/12/2014 và Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 05/10/2017 hiện đang ở cùng với chị H. Anh T đề nghị được nuôi dưỡng cháu B và chị H nuôi cháu N. Anh và chị H không ai phải cấp dưỡng. Trong thời gian anh T không ở Việt Nam thì anh ủy quyền cho bà Nguyễn Thị S là mẹ đẻ anh thay anh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B. Về tài sản, nợ chung: Anh T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh T đang ở nước ngoài nên xin xét xử vắng mặt và anh ủy quyền cho bà S giao nhận tất cả các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án và anh đề nghị tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị S xác định nhất trí nhận sự ủy quyền của anh T về việc giao nhận các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án và

trong thời gian anh T không ở Việt Nam thì bà Nguyễn Thị S thay anh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B. Về chi phí chăm sóc cháu B do anh T và bà S tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà S đã thông báo cho anh T biết, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Huy T. Giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Bảo N, giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Gia B đến khi trưởng thành. Chị H và anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh T ở nước ngoài, vợ chồng thống nhất nhờ bà Nguyễn Thị S nuôi giúp cháu Gia B cho đến khi anh T về Việt Nam. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Huy T là người Việt Nam hiện đang lao động tại Đài Loan, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Theo Công văn của Cục quản lý xuất nhập cảnh, lần gần nhất anh Nguyễn Huy T xuất cảnh là vào ngày 09/02/2020. Từ đó đến nay anh T chưa nhập cảnh lần nào.

Mặc dù, anh Nguyễn Huy T không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng anh đã gửi từ Đài Loan về Việt Nam các tài liệu gồm: Đơn xin ly hôn, Đơn xin giải quyết vắng mặt và bản tự khai đều có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Do vậy khẳng định đúng ý chí, quan điểm của anh T. Quá trình giải quyết vụ án, cả anh T và chị H đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đều đề nghị

xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Chị H và anh T không liên lạc và đã ly thân lâu ngày. Hiện anh chị không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy chị H và anh T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. HĐXX nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Huy T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị H và anh T cùng xác định có 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/12/2014 và Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 05/10/2017 hiện đang ở cùng với chị H. Cháu B có nguyện vọng ở với bố và bà nội. Bản thân chị H và anh T cùng có nguyện vọng đề nghị tòa án giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng và giao cháu B cho anh T nuôi dưỡng, Chị H và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian anh T không có mặt ở Việt Nam thì anh T ủy quyền cho bà S là mẹ đẻ anh T chăm sóc cháu B. Bà S cũng xác định nhận ủy quyền của anh T để nuôi dưỡng cháu B, chi phí nuôi dưỡng do bà S và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do đó cần chấp nhận cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu B đến khi trưởng thành, giữa chị H và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của con chung và nguyện vọng của chị H và anh T. Trong thời gian anh T không ở Việt Nam thì cháu B sẽ do bà S là bà nội chăm sóc thay. Chi phí chăm sóc cháu B do anh T và bà S tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị H và anh T cùng xác định không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273, khoản 2 Điều 479 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273, Điều 478, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị H** được ly hôn anh **Nguyễn Huy T**.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung là Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 05/10/2017 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Giao con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/12/2014 cho anh Nguyễn Huy T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và do bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1959. Địa chỉ cư trú: Xóm 1, thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương thay anh T chăm sóc trong thời gian anh T không ở Việt Nam.

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Huy T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Huy T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do chị H nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2021/0001063 ngày 15/6/2022. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Nguyễn Huy T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã N, huyện N;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

Nguyễn Văn Chất